

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH KHOA
GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ
Mã số ngành đào tạo: 7140205**

Nghệ An, 2019

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NGÀNH: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

(Ban hành theo Quyết định số/ĐT ngày /.../2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh)

Tên chương trình: Giáo dục Chính trị (Education Politics)

Trình độ đào tạo: Đại học

Thời gian đào tạo: 4 năm

Loại hình đào tạo: Chính quy **I.**

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu tổng quát (program general goals-X)

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Chính trị có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và giáo dục công dân; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình môn Giáo dục công dân cấp trung học phổ thông trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể (program specific goals-X.x)

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Chính trị đạt được:

1	Kiến thức và lập luận ngành	
1	1	Kiến thức cơ bản về chính trị và khoa học xã hội - nhân văn
1	2	Kiến thức nền tảng ngành sư phạm
1	3	Kiến thức cốt lõi ngành Giáo dục Chính trị
1	4	Kiến thức nâng cao ngành Giáo dục Chính trị
2	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
2	1	Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong dạy học, giáo dục
2	2	Nghiên cứu và khám phá tri thức
2	3	Vận dụng phương pháp tư duy khoa học
2	4	Sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin
2	5	Tự học và quản lý thời gian, nguồn lực
2	5	Phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp

3	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	
3	1	Kỹ năng làm việc nhóm
3	2	Kỹ năng giao tiếp
4	Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện, phát triển chương trình môn Giáo dục công dân cấp trung học phổ thông	
4	1	Nhận thức bối cảnh
4	2	Hình thành ý tưởng
4	3	Thiết kế chương trình
4	4	Thực hiện chương trình
4	5	Phát triển chương trình

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ

- **Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:** Giáo viên môn Giáo dục công dân trong các loại hình trường trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên. - **Khả năng học tập nâng cao trình độ:** Có thể tiếp tục học ở bậc thạc sĩ và tiến sĩ các chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục Chính trị; Chính trị học; Chính sách công.

II. KHUNG NĂNG LỰC

Nhóm năng lực	Năng lực chung	Năng lực cụ thể
1. Năng cốt lõi	1.1. Tư duy và nhận thức xã hội	1.1.1. Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam 1.1.2. Hiểu chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của ngành Giáo dục 1.1.3. Vận dụng phương pháp tư duy khoa học
	1.2. Sử dụng ngoại ngữ	Sử dụng tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
	1.3. Ứng dụng công nghệ thông tin	1.3.1. Ứng dụng công nghệ thông tin thiết kế và thực hiện bài giảng 1.3.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá 1.3.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu khoa học
	1.4. Hoạt động nhóm	1.4.1. Tổ chức nhóm 1.4.2. Lập kế hoạch và triển khai hoạt động nhóm 1.4.3. Phát triển nhóm 1.4.4. Lãnh đạo nhóm 1.4.5. Hợp tác nhóm
	1.5. Tự học, tự bồi dưỡng	1.5.1. Xác định mục đích tự học, tự bồi dưỡng 1.5.2. Lựa chọn nội dung tự học, tự bồi dưỡng 1.5.3. Vận dụng phương pháp tự học, tự bồi dưỡng 1.5.3. Điều chỉnh hoạt động tự học, tự bồi dưỡng
2. Năng lực ngành	2.1. Nhận thức về khoa học và văn hóa	2.1.1. Hiểu nội dung cơ bản của lịch sử triết học 2.1.2. Hiểu các đặc điểm nổi bật của văn học Việt Nam 2.1.3. Hiểu tiến trình lịch sử Việt Nam 2.1.4. Hiểu nội dung cơ bản của địa lý học 2.1.5. Hiểu nội dung cơ bản của lịch sử văn minh thế giới
	2.2. Giao tiếp trong môi trường sư phạm	2.2.1. Lựa chọn và điều chỉnh cách ứng xử với học sinh 2.2.2. Lựa chọn và điều chỉnh cách làm việc với phụ huynh 2.2.3. Lựa chọn và điều chỉnh cách ứng xử với đồng nghiệp 2.2.4. Lựa chọn và điều chỉnh cách tiếp cận, làm việc với các tổ chức xã hội 2.2.5. Thích ứng với sự thay đổi của môi trường xã hội
	2.3. Vận dụng phương pháp dạy học hiện đại	2.3.1. Vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong dạy học 2.3.2. Vận dụng nguyên tắc liên môn trong dạy học

	2.4. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học	2.4.1. Xác định mục tiêu, nội dung, tiêu chí đánh giá 2.4.2. Lựa chọn, sử dụng công cụ đánh giá 2.4.3. Xử lý, quản lý kết quả học tập của học sinh
	2.5. Tổ chức hoạt động giáo dục	2.5.1. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo 2.5.2. Tổ chức các hoạt động của đoàn, hội 2.5.3. Tổ chức các hoạt động văn hóa – thể thao
	3.1. Nhận thức	3.1.1. Hiểu bối cảnh xã hội liên quan đến giáo dục
3. Năng lực chuyên ngành	bối cảnh	3.1.2. Hiểu tính chất, đặc điểm của giáo dục ở bậc phổ thông trung học 3.1.3. Hiểu chức năng, vai trò, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hoạt động của nhà trường 3.1.4. Xác định vị trí, vai trò của môn Giáo dục công dân trong nhà trường phổ thông 3.1.4. Nhận thức vai trò, trách nhiệm của người giáo viên giáo dục công dân 3.1.6. Hiểu đặc điểm tâm sinh lý và nhận thức của học sinh trung học phổ thông
	3.2. Hình thành ý tưởng	3.2.1. Phác thảo mục tiêu dạy học môn Giáo dục công dân 3.2.2. Lựa chọn chương trình dạy học môn Giáo dục công dân 3.2.3. Phác thảo quy trình dạy học môn Giáo dục công dân 3.2.4. Dự kiến hoạt động giáo dục và hướng nghiệp cho học sinh qua dạy học môn Giáo dục công dân
	3.3. Thiết kế chương trình	3.3.1. Xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học môn Giáo dục công dân 3.3.2. Lựa chọn hình thức tổ chức dạy học 3.3.3. Xây dựng kế hoạch dạy học
	3.4. Thực hiện chương trình	3.4.1. Triển khai kế hoạch dạy học, giáo dục theo kế hoạch 3.4.2. Xử lý các vấn đề nảy sinh 3.4.3. Tổ chức rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động 3.4.4. Tư vấn, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp
	3.5. Phát triển chương trình	3.5.1. Nhận biết xu thế phát triển của bộ môn trong sự phát triển của xã hội và của ngành giáo dục 3.5.2. Điều chỉnh hoạt động dạy học, giáo dục 3.5.3. Lập kế hoạch cải tiến và phát triển nghề nghiệp sau mỗi chu trình hoạt động dạy học, giáo dục

TRÌNH ĐỘ NĂNG LỰC

TT	Cấp độ và yêu cầu	Trình độ
1	Biết	0.0 → 2.0
2	Hiểu	2.0 → 3.0

3	Vận dụng	3.0 → 4.0
4	Phân tích, tổng hợp	4.0 → 4.5
5	Đánh giá, sáng tạo	4.5 → 5.0

III. CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 3

CẤP ĐỘ		CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA		TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH			
1	1	Kiến thức cơ bản về chính trị và khoa học xã hội - nhân văn		
1	1	1	Hiểu nội dung cơ bản của lịch sử triết học	2.0
1	1	2	Hiểu các đặc điểm nổi bật của văn học Việt Nam	2.0
1	1	3	Hiểu tiến trình lịch sử Việt Nam	2.0
1	1	5	Hiểu nội dung cơ bản của địa lý học	2.0
1	1	4	Hiểu nội dung cơ bản của lịch sử văn minh thế giới	2.0
1	1	6	Hiểu nội dung cơ bản của lý luận chính trị	2.0
1	2	Kiến thức nền tảng ngành Sư phạm		
1	2	1	Hiểu ngành Sư phạm	3.0
1	2	2	Vận dụng kiến thức Tâm lý học trong dạy học, giáo dục	3.0
1	2	3	Vận dụng kiến thức Giáo dục học trong dạy học, giáo dục	3.0
1	2	4	Vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại trong dạy học	3.0
1	2	5	Vận dụng kiến thức về giao tiếp sư phạm trong dạy học, giáo dục	3.0
1	2	6	Vận dụng kiến thức về đánh giá trong dạy học, giáo dục	3.0
1	2	7	Vận dụng kiến thức về phát triển chương trình trong dạy học, giáo dục	3.0
1	3	Kiến thức cốt lõi ngành Giáo dục công dân		
1	3	1	Hiểu lịch sử tư tưởng triết học, kinh tế, XHCN	3.0
1	3	2	Vận dụng kiến thức về giáo dục pháp luật trong dạy học, giáo dục	3.0
1	3	3	Vận dụng kiến thức về giáo dục đạo đức trong dạy học, giáo dục	3.0
1	3	4	Vận dụng kiến thức về giáo dục thẩm mỹ trong dạy học, giáo dục	3.0
1	3	5	Vận dụng kiến thức về giáo dục kỹ năng sống trong dạy học, giáo dục	3.0
1	3	6	Vận dụng kiến thức về giáo dục dân số trong dạy học, giáo dục	3.0
1	3	7	Vận dụng kiến thức về giáo dục gia đình trong dạy học, giáo dục	3.0
1	3	8	Vận dụng kiến thức về giáo dục môi trường trong dạy học, giáo dục	3.0
1	3	9	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo	3.0
1	3	10	Tổ chức các hoạt động đoàn, đội ở trường phổ thông	3.0
1	4	Kiến thức nâng cao ngành Giáo dục công dân		
1	4	1	Vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào nhận thức và thực tiễn	3.0
	4	2	Hiểu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3.0
1	4	3	Hiểu môn Giáo dục công dân trong nhà trường phổ thông	3.0

1	3	4	Vận dụng phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân	4.0
1	3	5	Khai thác chương trình, sách giáo khoa Giáo dục công dân	4.0
1	3	6	Phân tích yêu cầu đối nội dung và phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân trong nhà trường phổ thông	4.0
2	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP			
2	1	Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong dạy học, giáo dục		
2	1	1	Xác định vấn đề	3.0
2	1	2	Phân tích vấn đề	3.0
2	1	3	Lựa chọn phương án giải quyết vấn đề	3.0
2	1	4	Thực hiện giải quyết vấn đề	3.0
2	2	Nghiên cứu và khám phá tri thức		
2	2	1	Xác định mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu	2.0
2	2	2	Xây dựng giả thuyết nghiên cứu	3.0
2	2	3	Thu thập thông tin	3.0
2	2	4	Điều tra, thực nghiệm, giải quyết vấn đề nghiên cứu	3.0
2	2	5	Bảo vệ giả thuyết nghiên cứu	3.0
2	3	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin		
2	3	1	Sử dụng ngoại ngữ	3.0
2	3	2	Ứng dụng công nghệ thông tin	3.0
2	4	Kỹ năng phát triển cá nhân		
2	4	1	Vận dụng phương pháp tư duy khoa học	3.0
2	4	2	Vận dụng lý luận vào thực tiễn	3.0
2	4	4	Tự học và học suốt đời	3.0
2	4	5	Quản lý thời gian và nguồn lực	3.0
2	5	Phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp		
2	5	1	Phẩm chất chính trị	3.0
2	5	2	Phẩm chất nhân văn	3.0
2	5	3	Đạo đức nghề nghiệp	3.0
3	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP			
3	1	Kỹ năng làm việc nhóm		
3	1	1	Tổ chức nhóm	3.0
3	1	2	Lập kế hoạch và triển khai hoạt động nhóm	3.0
3	1	3	Lãnh đạo nhóm	3.0
3	1	4	Phát triển nhóm	3.0
3	1	5	Hợp tác nhóm	3.0
3	2	Kỹ năng giao tiếp		
3	2	1	Xác định chiến lược giao tiếp	3.0
3	2	2	Phân tích đối tượng giao tiếp	3.0

3	2	3	Lựa chọn phương thức giao tiếp	3.0
3	2	4	Thực hiện và điều chỉnh hoạt động	
4	NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG (C), THIẾT KẾ (D), THỰC HIỆN (I) VÀ PHÁT TRIỂN (D) HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC, GIÁO DỤC			
4	1	Nhận biết bối cảnh		
4	1	1	Nhận biết vai trò, trách nhiệm của người giáo viên	2.0
4	1	2	Hiểu ảnh hưởng của xã hội đối với giáo dục và ngược lại	2.0
4	1	3	Hiểu về giáo dục phổ thông trong bối cảnh thời đại và đất nước	2.0
4	1	4	Hiểu tính chất, đặc điểm của giáo dục ở bậc trung học phổ thông	2.0
4	1	5	Hiểu đặc điểm tâm sinh lý, trí tuệ học sinh	2.0
4	2	Hình thành ý tưởng		
4	2	1	Xác định nhu cầu xã hội và mục tiêu	3.0
4	2	2	Dự kiến nội dung, phương pháp, phương tiện	3.0
4	2	3	Phác thảo quy trình dạy học	3.0
4	3	Thiết kế chương trình		
4	3	1	Xác định mục tiêu dạy học	3.0
4	3	2	Xác định nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học	3.0
4	3	3	Xác định hình thức tổ chức dạy học	3.0
4	3	4	Xây dựng kế hoạch dạy học	3.0
4	3	5	Xác định hình thức kiểm tra, đánh giá	3.0
4	4	Thực hiện chương trình		
4	4	1	Triển khai kế hoạch	3.0
4	4	2	Giám sát, kiểm tra, đánh giá	3.0
4	4	3	Xử lý các tình huống sư phạm	3.0
4	4	4	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo	3.0
4	4	5	Tư vấn, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp	3.0
4	5	Phát triển chương trình		
4	5	1	Phát hiện các vấn đề nảy sinh	3.0
4	5	2	Xử lý thông tin phản hồi và kết quả kiểm tra, đánh giá	3.0
4	5	3	Cải tiến, phát triển chương trình	3.0

IV. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Nội dung chương trình 1. Kiến thức Chính trị, khoa học Xã hội – Nhân văn: 26 tín chỉ (20,8 %)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	CT10001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5
2	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	ML10004	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
4		Văn học Việt Nam đại cương	3
5		Tiến trình lịch sử Việt Nam	3
6		Địa lý học đại cương	4
7	ML20045	Lịch sử triết học	3
8		Lịch sử văn minh thế giới	3

2. Kiến thức nền tảng ngành Sư phạm Xã hội: 35 tín chỉ (28 %)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1		Tâm lý học	4
2		Giáo dục học	4
3		Nhập môn ngành Sư phạm	2
4		Giao tiếp sư phạm	3
5		Phương pháp dạy học hiện đại	4
6		Đánh giá trong giáo dục	2
7		Phát triển chương trình giáo dục phổ thông	3
8		Tiếng Anh 1	3
9		Tiếng Anh 2	4
10		Ứng dụng ICT trong GD	3
11		Tự chọn 1	3

3. Kiến thức cốt lõi ngành Giáo dục Chính trị: 24 tín chỉ (19,2 %)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	ML20045	Lôgic hình thức	3
2		Pháp luật Việt Nam	5
3	ML 20009	Đạo đức học	3
5	ML20068	Mỹ học Mác - Lênin	2
6		Lịch sử tư tưởng kinh tế	3

7	ML21020	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	3
8	ML20010	Giới thiệu tác phẩm Mác – Lênin	5

4. Kiến thức nâng cao ngành Giáo dục Chính trị: 34 tín chỉ (27,2 %)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	ML21076	Chuyên đề triết học	5
2	ML 21017	Chuyên đề kinh tế chính trị	5
3	ML 20016	Chuyên đề CNXH khoa học	5
4	ML20049	Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh	3
5	ML10013	Chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3
6	ML21014	Chương trình và lý luận dạy học bộ môn GD CD THPT	5
7	POL30033	Phương pháp dạy học bộ môn GD CD	5
8		Tự chọn 2	3

5. Kiến thức thực tế, thực tập: 6 tín chỉ (4,8 %)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1		Kiến tập sư phạm	1
2		Thực tập SP ngành GDCT	5

5.2. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Số TC	Tỷ lệ lý thuyết/ t.luận, bài tập, (T.hành)/ Tự học	Khối kiến thức	n Phân kỳ	Khoa CN
GIAI ĐOẠN 1 (62 tín chỉ)								
1	CT10001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác- Lênin	Bắt buộc	5	50/25/150	GDĐC	1	GDCT
2		Tâm lý học	Bắt buộc	4	45/15/120	GDCC	1	Giáo dục
		Địa lý học đại cương	Bắt buộc	4	40/20/90	GDCN	1	Địa lý
4		Nhập môn ngành Sư phạm	Bắt buộc	2	25/5/60	GDCN	1	Giáo dục
5		Giáo dục học	Bắt buộc	4	45/15/120	GDĐC	2	Giáo dục
6		Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh 1)	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	2	SP NN
7		Tiến trình lịch sử Việt Nam	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	2	Lịch sử
8		Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2	20/10/60	GDCN	2	GDCT
9		Văn học Việt Nam đại cương	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	2	SPNgữ văn
10	ML10004	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Tự chọn	3	20/10/60	GDCN	3	GDCT
11	ML20045	Lịch sử triết học	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	3	GDCT
12		Ngoại ngữ 2 (Tiếng Anh 2)	Bắt buộc	4	40/20/120	GDĐC	3	SPNN
13		Lịch sử văn minh thế giới	Bắt buộc	3	20/10/60	GDCN	3	Lịch sử
14		Giao tiếp sư phạm	Bắt buộc	3	30/15/120	GDCN	3	SP Ngữ văn
15		Giáo dục thể chất (phần chung)	Bắt buộc	(1)	10/5/30	GDĐC	1	GDTC
16		Giáo dục thể chất (phần tự chọn CLB) (*)	Tự chọn	(4)	0/(60)/120	GDĐC	2-5	GDTC
17		Giáo dục quốc phòng 1	Bắt buộc	(3)	45/0/90	GDĐC	4	GDQP
18		Giáo dục quốc phòng 2	Bắt buộc	(2)	30/0/60	GDĐC	4	GDQP
19		Giáo dục quốc phòng 3	Bắt buộc	(3)	15/(30)/90	GDĐC	4	GDQP
20		Đánh giá trong giáo dục	Bắt buộc	2	20/10/60	GDCN	4	Giáo dục
		Ứng dụng ICT trong GD	Bắt buộc	3	30/30/120	GDĐC	4	CNTT

22		Phương pháp dạy học hiện đại	Bắt buộc	4	40/20/120	GDCN	4	SP Ngữ văn
23		Phát triển chương trình giáo dục phổ thông	Bắt buộc	3	30/15/90	GDCN	4	Lịch sử

24		Tự chọn 1	Tự chọn	3	30/15/90	GDCN	4	Văn-Sử-ĐịaGDCT
25		Kiến tập sư phạm	Bắt buộc	1	0/(15)/30	GDCN	5	GDCT
		GIẢI ĐOẠN II (63 tín chỉ)						
26	ML20045	Lógica hình thức	Bắt buộc	3	30/15/90	GDCN	5	GDCT
27	ML21017	Pháp luật Việt Nam	Bắt buộc	5	50/25/150	GDCN	5	Luật
28	ML20009	Đạo đức học	Bắt buộc	3	30/15/90	GDCN	5	GDCT
29	ML20010	Giới thiệu tác phẩm Mác – Lênin	Bắt buộc	5	50/25/150	GDCN	5	GDCT
30		Lịch sử tư tưởng kinh tế	Bắt buộc	3	30/15/90	GDCN	5	GDCT
31	ML21020	Lịch sử tư tưởng XHCN	Bắt buộc	3	30/15/90	GDCN	6	GDCT
32	ML20068	Mỹ học	Bắt buộc	2	20/10/60	GDCN	6	GDCT
33	ML21076	Chuyên đề triết học	Bắt buộc	5	50/25/120	GDCN	6	GDCT
34	ML 21017	Chuyên đề kinh tế chính trị	Bắt buộc	5	50/25/150	GDCN	6	GDCT
35	ML21014	Chương trình và lý luận dạy học bộ môn GDCD trung học phổ thông	Bắt buộc	5	50/25/150	GDCN	6	GDCT
36	ML20016	Chuyên đề CNXH khoa học	Bắt buộc	5	50/25/150	GDCN	7	GDCT
37	ML20049	Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	3	30/15/90	GDCN	7	GDCT
38	ML10013	Chuyên đề lịch sử Đảng CS Việt Nam	Bắt buộc	3	30/15/90	GDCN	7	GDCT
39		Phương pháp dạy học bộ môn GDCD	Bắt buộc	5	50/25/150	GDCN	7	GDCT
40		Tự chọn 2	Tự chọn	3	30/15/90	GDCN	7	GDCT
41		Thực tập SP ngành GDCT	Bắt buộc	5	0/(75)/150	GDCN	8	GDCT
		Cộng:		125				
	Các học phần tự chọn							
	Tự chọn 1 (chọn 1 trong các học phần sau)							

42	ML21033	Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trung học phổ thông	Tự chọn	3	30/15/90	GDCN	4	GDCT
43		Bản đồ giáo khoa	Tự chọn	3	30/15/90	GDCN	4	Địa lý
44		Kỹ năng thuyết trình	Tự chọn	3	30/15/90	GDCN	4	SP Ngữ văn
45		Kỹ thuật soạn thảo, xử lý văn bản	Tự chọn	3	30/15/90	GDCN	4	SP Ngữ văn
Tự chọn 2 (chọn 1 trong các học phần sau)								
46	ML20010	Phương pháp NCKH ngành Giáo dục Chính trị	Tự chọn	3	30/15/90	GDCN	7	GDCT
47		Công tác đảng và công tác đoàn thể	Tự chọn	3	30/15/90	GDCN	7	GDCT
48	ML21034	Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên môn Giáo dục công dân	Tự chọn	3	30/15/90	GDCN	7	GDCT
49	ML21037	Giáo dục gia đình	Tự chọn	3	30/15/90	GDCN	7	GDCT

P.TRƯỞNG KHOA



PGS.TS Nguyễn Thái Sơn